TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 303/2018/DS-PT Ngày: 13 - 9 - 2018 V/v: Tranh chấp "Chia di sản thừa kế"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy.**

Các Thẩm phán: - Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**;

- Ông **Lê Thanh Toàn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Tuyền** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07 và 13 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp: "Chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2018/QĐ-PT ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Thanh T,** sinh năm 1961.

Địa chỉ: số A, khu phố N, phường K, TP P, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Dương M**, sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: số B, đường C, phường H, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Võ Thanh S**, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: số A, khu phố N, phường K, TP P, Tiền Giang.

2.2. Ông **Võ Thanh N**, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: số A1, khu phố N, phường K, TP P, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Võ Thanh Q**, sinh năm 1940.

Địa chỉ: số Q, ấp L, xã LT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền: ông **Võ Thanh M**, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Địa chỉ: số Q, ấp L, xã LT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Bà **Đỗ Ngọc V**, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: số A, khu phố N, phường K, TP P, Tiền Giang.

3.3. Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1967. (vắng mặt)

3.4. Chị **Võ Thị Thanh L1**, sinh năm 1989. (vắng mặt)

3.5. Anh **Võ Thanh N1**, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số A1, khu phố N, phường K, TP P, Tiền Giang.

3.6. Chị **Phan Thị Ngọc D**, sinh năm 1978. (vắng mặt)

3.7. Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số A2, khu phố N, phường K, TP P, Tiền Giang.

3.8. Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1939. (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã PH, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn **Võ Thị Thanh T.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/8/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T ủy quyền ông Nguyễn Dương M trình bày:

Cha mẹ của bà Võ Thị Thanh Th là bà Lê Thị V (chết năm 2005) và ông Võ Thanh T (chết năm 1981). Cha mẹ bà T có 3 người con gồm: bà Võ Thị Thanh T, Võ Thanh S và Võ Thanh N. Sau khi chết, bà V có để lại phần di sản gồm phần đất có diện tích 5.348 m^2, tọa lạc tại số số A, khu phố N, phường K (trước kia là xã ĐT), TP P, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00092, QSDĐ/UB do UBND TP P cấp ngày 14/01/1997 do bà Lê Thị V đứng tên. Nguồn gốc phần đất trên là của cha mẹ của ông T cho ông T và bà V, ông T sử dụng đến năm 1981 ông T chết, sau khi ông T chết bà V trực tiếp quản lý sử dụng, bà V đăng ký kê khai đứng tên trong sổ mục kê, đến năm 1997 bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2005 bà Vchết không để lại di chúc, phần diện tích đất trên do ông N và ông S quản lý sử dụng, trong đó có cho chị Phan Thị Ngọc D là con của bà T cất nhà diện tích khoảng 40m^2, diện tích đo đạc thực tế còn lại là 4.984 m^2. Nay, bà T yêu cầu trừ ra phần diện tích đất mồ mã và đường đi hiện hữu còn lại chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế của bà V gồm Võ Thị Thanh T, Võ Thanh S, Võ Thanh N, bà T yêu cầu nhận hiện vật.

Ngày 09/8/2016 bà T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bổ sung khấu trừ phần đất ông S, ông N đã bán cho bà Lê Xuân H 180 m^2 vào đất ông S và ông N nhận chia thừa kế sang thêm cho bà T. Vì tại bản án phúc thẩm số 550 đã nói rõ tại giấy sang nhượng đất ngày 28/9/1997 ông S và ông N tự bán đất cho bà H, nên nay phải chịu trách nhiệm bồi thường lại phần đất trước đây đã bán cho bà H. Ngoài ra năm 2010 Hội đồng giải tỏa đền bù có giải tỏa một phần đất của bà V giáp Quốc lộ và có đền bù cho bà V số tiền là 90.000.000 đ hiện nay ông N đang giữ, yêu cầu chia làm 03 phần, bà T nhận 30.000.000 đ.

Năm 1974 ông T có bán huê lợi cho bà Lê Xuân H diện tích 361m^2, trong quá trình sử dụng bà H đã lấn thêm 157,81m^2. Năm 2004 bà T khởi kiện bà H, tại bản án số 550 ngày 31/12/2004 của Tòa án tỉnh Tiền Giang xử giữ nguyên diện tích 361m^2 cho bà H, trả lại cho bà Vdiện tích đất 157,8m^2, khi bà H trả đất thì bà V đã chết, ông S và ông N đã thỏa thuận cho diện tích này cho bà T, năm 2010 bà T đã được đứng tên quyền sử dụng đất diện tích đất trên, bà T bán cho ông Châu Văn S, hiện nay ông S đã được đứng tên quyền sử dụng đất và đã cất nhà ở. Đối với yêu cầu kiện phản tố của bị đơn yêu cầu khấu trừ phần đất 157,8m^2 vào phần thừa kế của bà T nhận, bà T không đồng ý.

* Tại đơn phản tố ngày 13/7/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Thanh S, Võ Thanh N cùng thống nhất trình bày**:**

Cha chúng tôi là Võ Thanh T (chết năm 1981), khi còn sống ông T có 03 người vợ là bà Phạm Thị K, chết đã 69 năm, ông T và bà K có 01 người con là Võ Thanh Q. Sau đó ông T chung sống với bà Phan Thị L, bà L chết đã 18 năm, ông T với bà L có 01 người con là Phan Thị H. Sau đó, ông T sống với bà Lê Thị V, bà Vchết năm 2005, bà V và ông T có 03 người con là Võ Thị Thanh T, Võ Thanh S, Võ Thanh N. Nguồn gốc tài sản đang tranh chấp diện tích 5.348 m^2 bà Lê Thị V đứng tên, có nguồn gốc của ông bà để lại cho cha mẹ. Nay theo yêu cầu chia thừa kế của bà T, yêu cầu trừ ra phần nhà thờ và diện tích 02 phần đất đã bán cho bà H với ông S, còn lại chia đều cho 05 anh chị em nhận bằng hiện vật.

Ông S và ông N có yêu cầu phản tố là khấu trừ phần đất diện tích 157,81m^2 bà Ty đã bán cho ông S vào phần đất bà T nhận sau khi chia thừa kế, phần khấu trừ sẽ chia thừa kế cho các anh chị em. Đối với phần đất đã bán cho bà Lê Xuân H, đó là do bà Lê Thị V bán khi còn sống, ông S, N là con nên yêu cầu ký tên chứ 02 ông không có bán nên không đồng ý đối với yêu cầu của bà T.

Ông N trình bày đối với số tiền 90.000.000 đ, ông N có nhận nhưng đã sử dụng cải táng, xây dựng mồ mả, làm đường đi đã hết nên không đồng ý chia.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh Q trình bày: ông thống với lời trình bày của ông S và ông N, ba của ông là ông Võ Thanh T, mẹ là bà Phạm Thị K, ông T chung sống với bà K có một người con là ông và nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông bà đề lại. Nay ông yêu cầu trừ phần nhà thờ, mồ mã còn lại chia thừa kế cho năm anh chị em.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày: bà thống với lời trình bày của ông S và ông N, ba của bà là ông Võ Thanh T, mẹ là bà Phan Thị L, ông T và bà L chung sống có một người con là bà, nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông bà để lại. Nay bà yêu cầu trừ phần nhà thờ, mồ mã còn lại chia thừa kế cho năm anh chị em.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Ngọc D trình bày: bà có cất nhà trên phần đất có nguồn gốc của bà ngoại là bà Lê Thị V, đối với tranh chấp chia thừa kế diện tích đất của bà V chết để lại bà không có ý kiến, cũng như không có yêu cầu gì.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V trình bày: vợ chồng ông có cất nhà trên phần đất có nguồn gốc của bà ngoại vợ là bà Lê Thị V, đối với tranh chấp chia thừa kế diện tích đất của bà V chết để lại ông không có ý kiến, cũng như không có yêu cầu gì.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Ngọc V trình bày: bà là vợ của ông Võ Thanh S bà không có ý kiến gì đối với tranh chấp trên đây là di sản của cha mẹ bên chồng để lại.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: bà là vợ của ông Võ Thanh N bà không có ý kiến gì đối với tranh chấp trên đây là di sản của cha mẹ bên chồng để lại.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T về yêu cầu chia di sản của bà Lê Thị V chết để lại là diện tích đất thực tế 4.972,3m^2 và số tiền 90.000.000 đồng.

- Không chấp yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu nhập phần diện tích đất 361m^2 đã bán cho bà Lê Xuân H vào chia thừa kế.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Thanh S và Võ Thanh N về việc yêu cầu nhập phần diện tích đất 157,6m^2 bà T đã bán cho ông Châu Văn S vào chia thừa kế.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Thị V có 3 người con là Võ Thị Thanh T, Võ Thanh S, Võ Thanh N.

- Xác định phần đất có diện tích 5.348 m^2, tọa lạc tại số số A, khu phố N, phường K (trước kia là xã ĐT), TP P, Tiền Giang, theo biên bản đo đạc thực tế ngày 12/12/2016 được các bên thống nhất thì diện tích đất thực tế hiện nay còn lại là 4.972,3m^2 và số tiền 84.000.000 đồng đây là di sản của bà Lê Thị V chết để lại.

Ghi nhận sự thỏa thuận thống nhất giữa bà T, ông S, ông N trên phần diện tích đất 4.972,3m^2 trừ đi các phần theo sơ đồ đo đạc ngày 27/3/2018 thể hiện: số thứ tự 1 lề đường diện tích 10,9m^2; số thứ tự 3 khu mộ diện tích 279,3m^2; số thứ

tự 9 đường đi nội bộ 1 diện tích 350,2m^2; số thứ tự 10 khu mộ diện tích 363,6m^2; số thứ tự 11 đường đi nội bộ 2 diện tích 273,6m^2, tổng cộng diện tích là 1.277,4m^2 để sử dụng làm lối đi chung và khu mộ gia đình cho hàng thừa kế và các thành viên trong hộ gia đình của bà T, ông S, ông N.

Ghi nhận sự thỏa thuận thống nhất của bà T, ông S, ông N xác định diện tích di sản thực tế còn lại chia thừa kế là 3.694,9m^2, chia cho ba kỹ phần thừa kế, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng diện tích là 1.231,6m^2. Thể hiện tại sơ đồ đo đạc ngày 27/3/2018:

+ Kỹ phần ông Võ Thanh N được nhận là diện tích 1.231,6m^2, cụ thể tại vị trí số thứ tự 2 diện tích 750m^2 và tại vị trí số thứ tự 8 diện tích 481,6m^2.

+ Kỹ phần ông Võ Thanh S được nhận là diện tích 1.231,6m^2, cụ thể tại vị trí số thứ tự 4 diện tích 750m^2 và tại vị trí số thứ tự 7 diện tích 481,6m^2.

+ Kỹ phần bà Võ Thị Thanh T được nhận là diện tích 1.231,5m^2, cụ thể tại vị trí số thứ tự 5 diện tích 750m^2 và tại vị trí số thứ tự 6 diện tích 481,5m^2.

(kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 27/3/2018)

- Buộc ông Võ Thanh N chia di sản thừa kế cho bà T số tiền 28.000.000 đồng:

Bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Thanh S, Võ Thanh N được quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất nêu trên.

- Về chi phí đo đạc định giá phải chịu mỗi người là 2.132.922 đồng, bà T đã nộp xong, ông S và ông N mỗi người phải hoàn trả lại cho bà T số tiền 2.132.922 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

* Ngày 11/4/2018, bà Võ Thị Thanh T có đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại phần đất đã chia cho Võ Thanh S và Võ Thanh N ở thửa số 42; Giải quyết lại phần đường đi mở thứ hai; Xem xét giải quyết phần đất mồ mã và đường đi là di sản thừa kế của cụ V để chia lại làm 03 phần cho T, S, N; Xem xét giải quyết lại phần đường đi thứ nhất chiều ngang 05m; Xem xét lại phần đất thổ cư chia cho Võ Thanh N.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Dương M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lí vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật

tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, do cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ người còn riêng của cụ V tên Nguyễn Thị Minh C chết trước hay sau cụ V, để xác định chồng của chị C có được hưởng di sản thừa kế của cụ V hay không, cần đưa vào tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Do đề nghị hủy án nên chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà Võ Thị Thanh T nộp ngày 10/4/2018 (BL 409, 431) còn trong thời hạn luật định đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Yêu cầu chia di sản thừa kế" là phù hợp với đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 674, 676, 733 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Phan Thị Ngọc D, Nguyễn Văn V, Đỗ Ngọc V, Võ Thị Thanh L, Võ Thanh N1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự kể trên.

[4] Về nội dung: Theo nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T trình bày, ba của bà là ông Võ Thanh T sinh năm 1915 chết năm 1981, mẹ là bà Lê Thị V sinh năm 1923 chết năm 2005. Ông T và bà V có đăng ký kết hôn là vợ chồng hợp pháp, ông T và bà V có tất cả là 03 người con gồm: bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Thanh S, Võ Thanh N. Khi còn sống ông T và bà V có quản lý canh tác phần đất có diện tích 5.348 m^2, tọa lạc tại số A, khu phố N, phường K (trước kia là xã ĐT), TP P, Tiền Giang, năm 1981 ông TP chết thì bà VP tiếp tục canh tác và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00092, QSDĐ/UB do UBND TP P cấp ngày 14/01/1997 do bà Lê Thị V đứng tên. Năm 2005, bà V chết không để lại di chúc, phần đất kể trên do ông N và ông S quản lý, sử dụng. Bà T cho rằng toàn bộ tài sản trên là di sản của bà Lê Thị V để lại nên khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản là phần đất có diện tích đo đạt thực tế 4.984m^2, tọa lạc tại số A, khu phố N, phường K (trước kia là xã ĐT), TP P, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00092, QSDĐ/UB do UBND TP P cấp ngày 14/01/1997 cho bà Lê Thị V đứng tên và diện tích 361m^2 đã bán cho bà Lê Xuân H, số tiền đền bù 90.000.000 đồng, chia đều cho 03 người con của bà Lê Thị V gồm bà T, ông S và ông N. Bị đơn, ông Võ Thanh S và ông Võ Thanh N cùng thống nhất thừa nhận nguồn gốc diện tích đất trên là của ông T, bà V để lại. Ông S, ông N đồng ý chia di sản thừa kế nhưng yêu cầu nhập phần diện tích đất 157,8m^2 mà bà T đã bán cho ông Châu Văn S vào chia và chia đều cho 05 người con của ông T là Võ Thị Thanh T, Võ Thanh S, Võ Thanh N, Võ Thanh Q và Phan Thị H.

Hội đồng xét xử nhận thấy, nguồn gốc diện tích đất 5.348 m^2, tọa lạc tại số A, khu phố N, phường K (trước kia là xã ĐT), TP P, Tiền Giang là của ông Võ Thanh Đ và bà Lê Thị M là cha mẹ ông T để lại cho ông T sử dụng. Ông T sử dụng đất đến năm 1981 thì chết. Sau khi ông T chết, bà V tiếp tục quản lý, sử dụng, đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Tòa sơ thẩm nhận định năm 1981 ông T chết, ½ di sản là quyền sử dụng đất của ông T trong khối tài sản chung của vợ chồng giữa ông T và bà V trở thành di sản thừa kế, nhưng đã hết thời hiệu chia di sản thừa kế của ông T theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015 là chưa đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông T. Bởi lẽ, căn cứ mục I Giải đáp 01/2018GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đã xác định "Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990". Kết hợp với khoản 1 Điều 623 và điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Như vậy, tính từ năm 1990 đến thời điểm năm 2015 khi các bên khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì thời hiệu chia di sản thừa kế của ông T vẫn còn.

Việc Tòa sơ thẩm xác định phần di sản của ông T đã hết thời hiệu chia di sản thừa kế và các giấy tờ đất đều do bà V đứng tên, nên khi ông T chết không có để lại di sản thừa kế. Xét thấy hồ sơ vụ án thể hiện cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thừa nhận nguồn gốc diện tích đất 5.348 m^2, tọa lạc tại số A, khu phố N, phường K (trước kia là xã Đạo Thạnh), TP P, Tiền Giang là của ông Võ Thanh Đ và bà Lê Thị M là cha mẹ ông T để lại cho ông T sử dụng, sau khi ông T chết thì bà V tiếp tục quản lý sử dụng, như vậy tại thời điểm ông T chết năm 1981 đã có khối tài sản này. Năm 1982, bà V đăng ký kê khai theo trích lục mục kê 299. Lúc này ông T đã chết, thì không thể đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, bà V là vợ còn sống và đang tiếp quản phần đất kể trên nên đương nhiên phải đăng ký kê khai. Mặc dù, hiện nay mọi giấy tờ hợp pháp đối với diện tích đất trên đều đứng tên bà V, nhưng như đã phân tích ở trên, trong khối di sản trên vẫn có ½ là di sản của ông T. Bà V chết năm 2005, cũng không để lại di chúc nên cần xác định diện tích 5.348 m^2, tọa lạc tại A, khu phố N, phường K (trước kia là xã ĐT), TP P, Tiền Giang là di sản thừa kế của ông T và bà V chết để lại.

Về hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật: Ông T có vợ là bà Phạm Thị K, chết đã 69 năm, ông T và bà K có 01 người con là Võ Thanh Q. Sau khi bà K chết, ông T chung sống với bà Phan Thị L, bà L chết đã 18 năm, ông T với bà L có 01 người con là Phan Thị H. Sau đó, ông T tiếp tục sống chung với bà Lê Thị V, bà V chết năm 2005, bà V và ông T có 03 người con là Võ Thị Thanh T, Võ

Thanh S, Võ Thanh N. Như vậy, căn cứ Điều 676 của Bộ luật dân sự năm 2005, xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông T và bà V gồm: Võ Thị Thanh T, Võ Thanh S, Võ Thanh N, Võ Thanh Q và Phan Thị H. Việc Tòa sơ thẩm nhận định phần đất kể trên là di sản thừa kế của bà V để lại, không phải di sản của ông T nên xác định ông Võ Thanh Q và bà Phan Thị H không thuộc đối tượng được hưởng di sản là chưa đúng làm mất quyền được hưởng di sản của ông Q và bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Thanh Q và bà Phan Thị H đều có bản tự khai (BL 238, 239) và yêu cầu chia di sản thừa kế là di sản do ông T để lại, nhưng Tòa sơ thẩm không hướng dẫn ông Q và bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, không đóng tiền tạm ứng án phí, trong phần nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm không nhận định và quyết định gì về yêu cầu của ông Q và bà H đối với yêu cầu được chia di sản thừa kế, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q và bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/3/2018 (BL359), ông N trình bày bà V còn có 01 người con riêng là nữ đã chết cách đây 4-5 năm, người con riêng này của bà V có chồng nhưng không có con. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự khai con riêng của bà V tên Nguyễn Thị Minh C, hiện đã chết nhưng có chồng. Tòa sơ thẩm chưa xác minh làm rõ người con riêng của bà V chết trước hay sau bà V, nếu chết sau bà V thì cần làm rõ người chồng của chị C tên gì, địa chỉ ở đâu, còn có quan hệ hôn nhân với người con riêng của bà V hay không để đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định xem họ có yêu cầu hưởng phần di sản của chị C được hưởng hay không.

Như đã phân tích trên, xét thấy việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được và để đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử. Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Do hủy án nên Hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử vụ án tranh chấp "Chia di sản thừa kế", giữa nguyên đơn Võ Thị Thanh T, bị đơn Võ Thanh S, Võ Thanh N; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2/ Về án phí:

Bà Võ Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thanh T 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0012395 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 13/9/2018, các đương sự vắng mặt.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy